TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 08-5-2024
V/v "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Kim Thảo;

2. Ông Liêu Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 08 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 52/2024/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 02 năm 2024 về việc: *"Tranh chấp về ly hôn"* theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 102/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/3/2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1976 (có mặt);

Cư trú: Số F, tổ C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh An Giang.

2. Bị đơn: Anh Võ Thành B, sinh năm 1977 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp C, xã C, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị* Nguyễn Thị C *trình bày*:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh B quyết định chung sống vào tháng 4 năm 2023, không tổ chức đám cưới, nhưng có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, An Giang ngày 24/4/2023.

Thời gian đầu cuộc sống vợ chồng rất hạnh phúc, đến khoảng tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống. Nguyên nhân do anh B thường xuyên nhậu nhẹt nên xảy ra cự cãi, không quan tâm chăm sóc chị, không lo tiếp kinh tế gia đình, sống không còn hạnh phúc. Anh B đã tự bỏ đi từ tháng 08/2023. Vợ chồng ly thân từ đó đến nay.

Trong thời gian ly thân, anh B không liên lạc và năn nỉ để hàn gắn vợ chồng. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Võ Thành B.

- *Về con chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

** Đối với bị đơn anh* Võ Thành B*:* Tòa án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng đến gia đình nhằm tạo điều kiện hòa giải đoàn tụ và hàn gắn quan hệ vợ chồng giữa hai người, nhưng anh B đều vắng mặt không lý do và cũng không gửi văn bản nêu ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn: Chị C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Tòa án chấp nhận cho chị được ly hôn với anh B. Về con chung; về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Bị đơn anh B: Vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị C và anh Võ Thành B kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 24 tháng 4 năm 2023 tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C nên được pháp luật công nhận là vợ chồng theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình. Nay vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nên chị C yêu cầu ly hôn với anh B. Anh B có hộ khẩu thường trú ở ấp C, xã C, huyện C, An Giang. Căn cứ theo quy định khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Võ Thành B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh vẫn vắng mặt. Việc vắng mặt không lý do chính đáng, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan là từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình được pháp luật bảo vệ nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị Nguyễn Thị C xác nhận cuộc sống hôn nhân của vợ chồng chỉ chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn, đến tháng 7 năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, cuộc sống chung không phù hợp nên chị C yêu cầu được ly hôn với anh B.

Xét thấy, cuộc sống hôn nhân vợ chồng là nhằm xây dựng một gia đình thật sự hạnh phúc, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc và quan tâm lẫn nhau nhưng quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh B đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng không còn tồn tại. Tòa án tiến hành lấy lời khai của anh B theo quy định, nhưng không lấy được lời khai do anh B vắng mặt tại nhà. Trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh B đều vắng mặt, đồng thời không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn và nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng mà phía nguyên đơn chị C đã trình bày, cũng như không có văn bản thể hiện ý kiến hay có nguyện vọng là muốn duy trì quan hệ hôn nhân với chị C.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử đủ cơ sở xác định tình trạng hôn nhân của chị C và anh B đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân giữa hai người không đạt được, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị C là được ly hôn với anh Võ Thành B.

[3] Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Quá trình chung sống chị Nguyễn Thị C xác định vợ chồng không có con chung, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Do chị Nguyễn Thị C có yêu cầu ly hôn với anh Võ Thành B nên phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Điều 9, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân gia đình 2014;

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 177, khoản 2 Điều 227, 228, Điều 271, Điều 273, 278, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

- Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- *Xử*:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Nguyễn Thị C. Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C đối với anh Võ Thành B.

2. Về quan hệ con cái, cấp dưỡng: Không có, không yêu cầu giải quyết.

3. Về quan hệ tài sản, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm, đã nộp tạm ứng án phí 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0004479 ngày 26/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang, được khấu trừ nên chị C đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Võ Thành B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết công khai hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND.Châu Thành;
- Chi cục THADS.Châu Thành;
- Cơ quan nơi đăng ký kết hôn;
- Phòng KTNV và THA;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu văn phòng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Thị Kim Thảo **Liêu Văn Lộc** **Hà Thị Mỹ Linh**